TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST Ngày 28-3-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Bùi Thị Nhàn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lưu Hoàng Ngọc Khanh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Phương T; Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công L; Nơi cư trú: Xóm T, thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Công L trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 11 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh L tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui

vẻ hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh L đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Công L có một con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa đã vi phạm các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Phương T được ly hôn anh Nguyễn Công L. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Công V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011 cho chị Trần Phương T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Phương T khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Công L, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Công L hiện đang cư trú tại xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Trần Phương T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Công L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật

Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Trần Phương T và bị đơn anh Nguyễn Công L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Công L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuân, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Anh Nguyễn Công L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và các phiên tòa không có lý do, điều đó chứng tỏ anh L không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Công L có một con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011. Xét, con chung Nguyễn Công V hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh L không có quan điểm về việc nuôi con, hiện tại con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và con chung có nguyện vọng được ở với chị T. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con nên chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Chị Trần Phương T có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh L không có quan điểm về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Phương T được ly hôn anh Nguyễn Công L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Công V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011 cho chị Trần Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Phương T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008350 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên